

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tuấn; Ông Nguyễn Quang Hợp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy -
Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh
Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và
gia đình thụ lý số 07/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc
“Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐST - HNGĐ ngày
25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh C, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố , thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái
Nguyên.

Bị đơn:Chị Vũ Thị L, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng
mặt).

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố , thị trấn Q huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm , xã P, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (nguyên đơn): Ông
Vũ Văn C (có mặt)

Luật sư - Công ty Luật TNHH Năng & Partner thuộc Đoàn Luật sư thành
phố Hà Nội,

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn là anh Trần Minh C trình bày: Tôi và chị Vũ Thị L kết hôn năm 2000, trên cơ
sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái
Nguyên. Sau khi kết hôn, chị L về ở chung với tôi và bố mẹ tôi tại Tổ dân phố ,
thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến
năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ tôi
có mối quan hệ ngoài luồng với người khác. Đến tháng 10 năm 2019 thì chị L bỏ
nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai và đã chấm

dứt quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Vũ Thị L.

Về con chung: Tôi và chị Lữ có 03 con chung:

1. Trần Hải Y, sinh ngày 17/3/2002
2. Trần Thu P, sinh ngày 12/4/2012
3. Trần Minh K, sinh ngày 14/11/2016

Hiện các con đều đang ở với tôi. Cháu Trần Hải Y đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên tôi không có ý kiến gì. Trường hợp ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cũng như đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là chị Vũ Thị L trình bày: Tôi và anh Trần Minh C kết hôn năm 2000, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi cưới vợ chồng không có tài sản gì. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh C sinh sống vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh C. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghi ngờ tôi có quan hệ ngoài luồng nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và dẫn đến cãi nhau. Tôi và anh C đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2020 thì tôi bỏ nhà đi thuê nhà và làm ăn xã tại xã P, thị xã Phổ Yên, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay anh C làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn tôi nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung:

1. Trần Hải Y, sinh ngày 17/3/2002
2. Trần Thu P, sinh ngày 12/4/2012
3. Trần Minh K, sinh ngày 14/11/2016

Cháu Trần Hải Y đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên tôi không có ý kiến gì, còn 02 con chung đang ở với anh C và ông bà nội. Khi ly hôn tôi nhất trí giao con chung cho anh C nuôi dưỡng, tôi được quyền đi lại thăm nom các con. Trường hợp anh C không nuôi dưỡng được thì tôi đề nghị Tòa án giao con cho tôi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, vì tôi muốn các con ở chung cho có chị có em. Hiện tôi đang làm việc chuyên về nấu cỗ cho các đám Hiếu, Hỷ, công việc tự do về mặt thời gian, thu nhập tùy theo tháng, tôi không tính được cụ thể.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Tôi và anh C tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tôi đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử triệu tập lần thứ nhất ngày 20/4/2022 và lần thứ hai ngày 18/5/2022 tuy nhiên

do công việc của tôi bận nên không tham gia phiên tòa được. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh C giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) mang tên Trần C và Vũ Thị L; 03 Giấy khai sinh của con chung (cùng bản sao) mang tên Trần Hải Y, Trần Thu Pg, Trần Minh K; 02 Giấy chứng minh nhân dân (cùng bản sao) mang tên Trần Minh C và Vũ Thị L; 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Trần Minh C. Chị L không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX tuyên xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Minh C được ly hôn chị Vũ Thị L.
- + Về con chung: Con chung Trần Hải Y, sinh ngày 17/3/2002 đã trưởng thành.

Giao hai con chung Trần Thu P sinh ngày 12/4/2012 và Trần Minh K sinh ngày 14/11/2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Anh C phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị L nhưng chị L vắng mặt tại các buổi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chị Vũ thị L cư trú tại thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Anh Trần Minh C và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại UBND thị trấn Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía anh C xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhau, đánh chửi nhau, đến tháng 8/2020 chị L bỏ nhà đi thuê nhà ở riêng tại xóm , xã P, thành phố Phổ Yên vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía chị L đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghi ngờ chị có quan hệ ngoài luồng nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và dẫn đến cãi nhau, chị và anh C đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2020 thì chị bỏ nhà đi thuê nhà và làm ăn xã tại xã P vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị nhất trí và chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh C và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh C là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh C, cho anh Trần Minh C được ly hôn chị Vũ Thị L là phù hợp.

[3]. Quá trình giải quyết anh C và chị L xác định vợ chồng có 03 con chung:

1. Trần Hải Y, sinh ngày 17/3/2002
2. Trần Thu P, sinh ngày 12/4/2012
3. Trần Minh K, sinh ngày 14/11/2016

Hiện nay cả 03 con chung đang ở với anh C. Khi ly hôn cả anh C và chị L đều xác định con chung Trần Hải Y đã trưởng thành, anh chị không ý kiến gì. Phía anh C có nguyện vọng khi ly hôn anh đề nghị được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Thu P và Trần Minh K, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét. Tại đơn xin xét xử vắng mặt phía chị L có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp anh C không trực tiếp nuôi dưỡng chị L nhất trí trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh C, chị L phù hợp với quy định pháp luật. Tại bản khai thể hiện ý chí của con chung cháu Trần Thu P và

Trần Minh K có nguyện vọng xin được ở với anh C. Xét nguyện vọng của các bên đương sự và nguyện vọng của các con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao cả hai con chung Trần Thu P và Trần Minh K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con chung trưởng thành, trừ trường hợp anh C, chị L có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị L không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung chị L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết anh C, chị L đề nghị Tòa án xem xét về tài sản, tuy nhiên cũng trong quá trình giải quyết, anh C và chị L đã có đơn đề nghị xin rút một phần yêu cầu giải quyết, anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh C và chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh C, cho anh C được ly hôn chị Vũ Thị L.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung Trần Thu P sinh ngày 12/4/2012 và Trần Minh K sinh ngày 14/11/2016 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh C, chị L có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước, được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013721 ngày 13/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho cho anh C biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND TT Q;
- Lưu hồ sơ + VP

Đào Ngọc Hải